

MC-Proof PU 910

PU dạng lỏng tạo màng chống thấm 1 thành phần,

Tính chất sản phẩm

- Một thành phần, sẵn sàng sử dụng, thi công dễ dàng và nhanh chóng
- Hàm lượng chất rắn cao tạo lớp màng chống thấm liền mạch và bền
- Kết dính rất tốt trên các bề mặt khác nhau cho các ứng dụng phổ quát
- Độ đàn hồi và tính năng bắt cầu vết nứt cực tốt
- Độ nhớt thấp và hàm lượng dung môi thấp
- Chịu được nhiệt độ cao, môi trường đóng băng và tan băng
- Chống chịu hóa chất tốt
- Tối ưu hóa tính năng thi công, có thể dùng con lăn, cọ quét, bàn chải và phun trực tiếp không cần khí nén trên các bề mặt ngang và nghiêng

Lĩnh vực ứng dụng

- Mái nhà, ban công, khu trồng cây, sân nhà, phòng tắm, hồ nước, bể nước, bồn mặt cầu, móng, tầng hầm và đường hầm
- Các cấu kiện tiếp xúc với mặt đất
- Các kết cấu chứa nước
- Chân đế các khu vực bị nước văng bắn

Phương pháp thi công

Chuẩn bị lớp nền

MC-Proof PU 910 có thể sử dụng trên bề mặt vật liệu khoáng, kim loại, nhựa và cả trên gỗ.

Tất cả các lớp nền được che phủ phải chắc chắn, sạch sẽ, không có các cấu trúc lỏng lẻo, bụi, dầu và bất cứ chất ô nhiễm nào khác (ví dụ: chất tháo khuôn, cặn xi măng). Độ bền kéo bề mặt phải >1.5 N/mm². Độ ẩm của lớp nền không được vượt quá 10%.

Các lỗ rỗng >5 mm phải được lấp đầy bằng vữa trám trét phù hợp hoặc các chất trám trét dạng bột khoáng với thành phần polymer biến tính (vd: Nafufill KM 103). Vị trí tiếp giáp giữa sàn và tường cần dùng vữa hoặc bột khoáng bo tròn tạo lõm cong. Trước khi thi công MC-Proof PU 910, các mối nối và vết nứt phải được bịt kín. Với các vết nứt có rò rỉ nước có thể dùng nhựa dẻo tổng hợp bơm bịt kín vết nứt trong loạt sản phẩm MC-Injekt của chúng tôi. Các mối nối vượt quá 3 mm phải được bịt kín bằng keo PU hoặc các băng dán thích hợp.

Lớp lót

Lớp lót về cơ bản là không cần thiết với bề mặt của vật liệu dạng khoáng có chất lượng tốt. Tuy nhiên, với các bề mặt thấm hút như bê tông xốp thì nên được phủ lớp lót bằng Mycoflex 251. Về cơ bản, một lớp phủ tạo nhám là cần thiết để tạo độ bám dính tốt. Trước khi phủ lớp tạo nhám, bề mặt của vật liệu khoáng phải được làm ướt trước.

Thi công

MC-Proof PU 910 được cung cấp để sử dụng ngay, tuy nhiên nó cần được khuấy cho đồng nhất trước khi dùng. Chúng tôi khuyến cáo dùng máy khuấy cơ tốc độ chậm. Không cuốn khí vào hỗn hợp trong lúc khuấy. Thi công MC-Proof PU 910 bằng con lăn, chổi quét hoặc phun trực tiếp không cần khí nén lên bề mặt đã được xử lý.

Định mức vật liệu là 1.5 kg/m² tương ứng ~1.0 mm độ dày màng khô. Để đạt được khuyến nghị 2.0 mm độ dày màng khô cần thực hiện thi công 2 lớp và thời gian chờ giữa 2 lần thi công ít nhất là 6h. Thời gian chờ này có thể khác nhau phụ thuộc vào nhiệt độ và các điều kiện khí hậu khác tại từng khu vực áp dụng.

Nếu MC-Proof PU 910 được dùng như một lớp chống thấm bên ngoài cho các cấu kiện bên dưới thì cần phải lắp đặt một lớp bảo vệ phù hợp trước khi san lấp hố đào.

Bảo dưỡng

Sau thi công, MC-Proof PU 910 cần được bảo dưỡng tránh các hoạt tải giao thông, mưa, độ ẩm tương đối >90%, sương giá hoặc nguy cơ sương giá cho đến khi nó phát triển được khả năng chống chịu. Không thi công vật liệu này trong các điều kiện khác với điều được khuyến cáo. Nếu cần thiết, sau khi sờ thấy khô bề mặt có thể phủ lên một lớp màng plastic để tránh mưa. Độ ẩm tương đối từ 40~90% là điều kiện bảo dưỡng tốt.

MC-BIFI Bauchemie JSC.

Hanoi: 814/3 Lang street, Lang Thuong ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam
Da Nang: 91 Le Van Duyet, Nai Hien Dong ward, Son Tra District, Danang, Vietnam
HCM city: No.77, 17 Street, An Phu Ward, 02 District, Ho Chi Minh City, Vietnam
Website: www.mcbifi-bauchemie.com

• Tel: (+84) 24 3775 5312 • Fax: (+84) 24 3775 9607
• Tel: (+84) 23 6355 6869 • Fax: (+84) 23 6355 6969
• Tel: (+84) 28 6287 3585 • Fax: (+84) 28 6287 3585

Thông số kỹ thuật của MC-Proof PU 910

Đặc tính	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
Tỷ trọng	g/cm ³	1.48	ASTM D1475-13
Độ nhớt	cps	~5,000	ASTM D2196-15
Độ cứng (Shore A)		70 ± 5	ASTM D2240
Hàm lượng chất rắn	%	> 90	ASTM D2369-10
Độ giãn dài	%	> 600	ASTM D412-16
Ứng suất kéo ở độ giãn dài 350%	kgf/cm ²	≥ 8	ASTM D412-16
Cường độ chịu kéo	kgf/cm ²	≥ 25	ASTM D412-16
Cường độ bám dính	kgf	≥ 10	ASTM C836
Khả năng kháng xé	kgf/cm	≥ 10	ASTM D412-16
Thời gian chờ thi công lớp 2	hours	> 6	Touch-dry
Kháng được mưa và đi bộ trên bề mặt	hours	> 6	
Thời gian chờ kiểm tra độ kín nước	hours	~ 36	
Định mức	kg/m/m ²	1.5	
Điều kiện thi công	°C	≥ 6 ≤ 40	Nhiệt độ bề mặt
	%	≤ 85	Độ ẩm tương đối
	%	≤ 10	Độ ẩm nền
	°C	3	Trên nhiệt độ điểm sương

* Các thông số kỹ thuật được dựa trên điều kiện phòng thí nghiệm (23°C ±2 và độ ẩm 60%) và có thể thay đổi trong điều kiện thi công thực tế. Để xác định các thông số kỹ thuật trong điều kiện cụ thể, các thử nghiệm phù hợp sơ bộ nên được thực hiện trong điều kiện thi công thực tế.

Đặc tính sản phẩm

Trạng thái	Lỏng
Màu sắc	Trắng, xám, xanh lá và đen
Lưu trữ	Lưu trữ nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió
Hạn dùng	12 tháng từ ngày sản xuất và chưa mở nắp thùng
Đóng gói	Thùng thép 15 kg

Lưu ý:

Các thông tin trên bảng dữ liệu này được dựa trên kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu của chúng tôi. Tuy nhiên, nó không có tính ràng buộc về mặt pháp lý. Các thông tin trên có thể được điều chỉnh để phù hợp với từng kết cấu riêng lẻ, từng mục đích sử dụng và theo theo từng điều kiện của địa phương. Các thông số kỹ thuật của chúng tôi chỉ được xác nhận khi có sự quan sát theo dõi trong quá trình sử dụng. Điều này cho phép chúng tôi chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của dữ liệu này trong phạm vi của các điều khoản và điều kiện bán hàng - giao hàng và dịch vụ. Các khuyến nghị của nhân viên chúng tôi khác với dữ liệu có trong tờ thông tin này chỉ ràng buộc nếu được đưa ra dưới dạng văn bản. Các quy tắc kỹ thuật được chấp nhận phải luôn được tuân thủ.

Phiên bản **05/20**. Đã có một số thay đổi về kỹ thuật trong bản in này. Các phiên bản cũ hơn không còn hiệu lực và không được sử dụng nữa. Nếu phát hành bản sửa đổi kỹ thuật mới, ấn bản này sẽ tự động không còn hiệu lực.